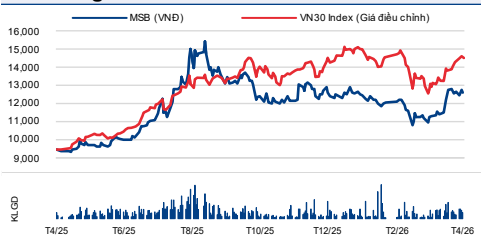


Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ15,400
Tiềm năng tăng/giảm: 22.2%

Giá cổ phiếu (đồng) (24/4/2026)	12,600
Mã Bloomberg	MSB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	9,333-15,416
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	12,570
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	42,890
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,628
Slg CP lưu hành (tr.đv)	3,404
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	991
Slg CP NN được mua (tr.đv)	0
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	29.1%
Tỷ lệ freefloat	64.8%
Cổ đông lớn	VNPT (6.05%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá

Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
Tổng tài sản (ntđ)	407,674	441,600	500,456
Dư nợ cho vay (ntđ)	205,209	232,532	265,989
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	14,045	17,034	18,291
Lợi nhuận thuần (ntđ)	5,629	6,356	6,287
BVPS (đồng)	13,605	15,642	17,657
EPS (đồng)	1,804	2,037	2,015
DPS (đồng)	0	0	0
T.trưởng cho vay KH (%)	16.3	13.3	14.4
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	(1.22)	21.3	7.38
Tăng trưởng EPS (%)	1.97	12.9	(1.09)
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0
ROAE (%)	14.2	13.9	12.1
ROAA (%)	1.55	1.50	1.33
Tỷ lệ NIM (%)	3.15	3.20	3.28
Tỷ lệ CIR (%)	36.1	38.3	39.6
Hệ số CAR (%)	12.7	12.3	13.3
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2.69	2.80	2.75
LLR/nợ xấu (%)	51.6	45.4	45.8
Hệ số LDR (%)	104	108	108
P/B (lần)	0.93	0.81	0.71
P/E (lần)	6.98	6.19	6.25
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam là ngân hàng tư nhân quy mô vừa và nhỏ tại Việt Nam, tập trung vào mảng bất động sản và cho vay mua nhà.

Chuyên viên phân tích**Nguyễn Bảo Ngọc**

Chuyên Viên, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ngoc.nguyenbao@hsc.com.vn
+84 3 4605 3471 Ext. 4883

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Dịch Vụ Tài
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

LNTT Q1 tăng 16%, hoạt động cốt lõi sát với kỳ vọng

- MSB đã công bố KQKD Q1/2026 với LNTT tăng 16% đạt 1.890 tỷ đồng, nhờ tín dụng tăng trưởng mạnh mẽ, tỷ lệ NIM ổn định và chi phí hoạt động thất chặt. Kết quả này không đạt dự báo của chúng tôi do không có khoản thu nhập từ thu hồi nợ xấu không thường xuyên như đã kỳ vọng.
- Tại ĐHCĐ, MSB đã thảo luận về triển vọng năm 2026 và kế hoạch phát triển hệ sinh thái dịch vụ tài chính trong trung hạn. BLĐ kỳ vọng tín dụng sẽ tăng trưởng mạnh mẽ, tùy thuộc vào hạn mức được NHNN cấp. Thương vụ thoái vốn TNEX được lùi lại để tiếp tục mở rộng quy mô và nâng cao định giá.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 12% trong 1 tháng qua, MSB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2026 là 0,81 lần, thấp hơn 38% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q1 và tổ chức ĐHCĐ

MSB đã công bố KQKD Q1/2026 với LNTT tăng 16% so với cùng kỳ đạt 1.890 tỷ đồng, nhờ tín dụng tăng trưởng mạnh mẽ, tỷ lệ NIM được giữ vững và chi phí hoạt động được kiểm soát chặt chẽ. LNTT Q1/2026 hoàn thành 24% dự báo cả năm 2026 nhưng thấp hơn một chút so với dự báo Q1 của chúng tôi do không có khoản thu nhập từ việc xử lý các tài sản tồn đọng theo kế hoạch của BLĐ. MSB đã tổ chức ĐHCĐ năm 2026 trong cùng ngày và đã thông qua tất cả các tờ trình. Tại cuộc họp, BLĐ cũng đã chia sẻ về triển vọng kinh doanh và chiến lược của Ngân hàng.

Những kết quả chính trong Q1/2026**Tín dụng tăng trưởng mạnh mẽ nhờ công ty con**

Tăng trưởng tín dụng đạt 3,8% kể từ đầu năm, dẫn dắt bởi công ty con tài chính tiêu dùng TNEX (tăng 77,5%, đóng góp 3% tổng dư nợ cho vay). Trong khi đó, tín dụng của Ngân hàng mẹ tăng trưởng 2,4%, gần đạt hạn mức hàng quý là 2,6%. Cụ thể như sau:

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 28/4.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD, MSB

LNTT tăng 16% so với cùng kỳ nhờ tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ, tỷ lệ NIM và chi phí hoạt động đi ngang

Tỷ đồng	Q1/25	Q1/26	So với cùng kỳ	% 2026 HSCF
Thu nhập lãi thuần	2,504	3,198	28%	25%
Thu nhập ngoài lãi	754	452	-40%	11%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	417	248	-41%	13%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	255	119	-53%	11%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	-11	-84		
Thu nhập thuần khác	93	169	81%	15%
Tổng thu nhập HĐ	3,258	3,649	12%	21%
Chi phí HĐ	-1,234	-1,259	2%	19%
Lợi nhuận HĐ trước trích lập dự phòng	2,024	2,390	18%	23%
Chi phí dự phòng	-393	-500	27%	19%
LNTT	1,631	1,890	16%	24%
Lợi nhuận thuần	1,266	1,514	20%	24%

Nguồn: MSB, HSC

- Cơ cấu theo phân khúc: Cho vay khách hàng doanh nghiệp tăng 1,7%, trong khi cho vay bán lẻ tăng 4,1% giữ vững xu hướng hồi phục trong năm 2025.
- Cơ cấu theo ngành: BĐS (tăng 6,4%) và xây dựng (tăng 7,8%) là động lực tăng trưởng chính, trong khi ngành FMCG đi ngang.

Tổng huy động tăng trưởng 0,6% kể từ đầu năm, trong đó tiền gửi giảm 1,4% và giấy tờ có giá tăng 14%, tương đương hệ số LDR điều chỉnh tăng nhẹ lên 94% từ 92% tại thời điểm cuối năm 2025.

Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn ở mức 26,4%, thấp hơn một chút so với bình quân năm 2027 là 27%. Nhìn chung, tiền gửi không kỳ hạn được duy trì tương đối ổn định trong bối cảnh xu hướng chuyển dịch sang tiền gửi kỳ hạn và tiết kiệm, nhất là ở nhóm khách hàng bán lẻ, do lãi suất tăng cao.

Tỷ lệ NIM đi ngang

Tỷ lệ NIM nhìn chung ổn định ở mức 3,31% (giảm 4 điểm cơ bản so với quý trước nhưng tăng 3 điểm cơ bản so với cùng kỳ), vượt trội so với hầu hết các NHTM khác nhờ dư địa hệ số LDR và tiền gửi không kỳ hạn vững chắc, đúng như dự báo của chúng tôi.

Chi phí huy động tăng 28 điểm cơ bản so với quý trước (tăng 46 điểm cơ bản so với cùng kỳ), cùng mức tăng với lợi suất gộp (tăng 28 điểm cơ bản so với quý trước và tăng 58 điểm cơ bản so với cùng kỳ), từ đó giúp tỷ lệ NIM ổn định. Cụ thể hơn, chi phí tiền gửi tăng 31 điểm cơ bản so với quý trước (tăng 42 điểm cơ bản so với cùng kỳ) nhưng tốc độ tăng được kiềm chế bởi tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn ổn định và nguồn vốn tương đối thuận lợi được đảm bảo vào cuối năm 2025. Tăng trưởng huy động mạnh mẽ trong Q4/2025, đạt 29% so với cùng kỳ, góp phần khiến tăng trưởng huy động đi ngang và tiền gửi sụt giảm trong Q1/2026.

Chất lượng tài sản ổn định với những tín hiệu trái chiều

Chất lượng tài sản nhìn chung ổn định, tỷ lệ nợ xấu ổn định và tỷ lệ nợ xấu mới hình thành giảm xuống, mặc dù lãi dự thu vẫn ở mức cao. Tỷ lệ nợ xấu đi ngang so với quý trước ở mức 2,7%, vẫn ở mức cao nhưng nhìn chung ổn định trong 6 quý vừa qua. Tỷ lệ nợ xấu mới hình thành đã cải thiện xuống 0,9% từ 1,5% trong năm 2025 và thấp hơn đáng kể so với mức đỉnh khoảng 2% trong giai đoạn căng thẳng 2023-nửa đầu năm 2024. Tuy nhiên, lãi dự thu vẫn ở mức cao, chiếm 5,1% tổng dư nợ nhóm 1, cao hơn so với bình quân ngành và đang tăng lên trong 1 năm qua, điều này cho thấy rủi ro tiềm ẩn về chất lượng tài sản.

Tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR duy trì ở mức 52%, thấp hơn so với bình quân ngành và so với quá khứ, đặc biệt là sau khi giảm trích lập dự phòng vào năm 2025. Chúng tôi cho rằng áp lực trích lập dự phòng sẽ gia tăng trong những quý tới do đệm dự phòng mỏng và rủi ro tăng đối với chất lượng tài sản.

Thu nhập ngoài lãi thấp hơn dự báo

Thu nhập ngoài lãi giảm 40% so với cùng kỳ với sự sụt giảm ở hầu hết các phân khúc. Trong đó, lãi thuần HĐ dịch vụ giảm 41%, chủ yếu do thu nhập phí khác sụt giảm mạnh 51%. Ngân hàng không ghi nhận thu nhập từ thu hồi nợ xấu, trái với kỳ vọng của chúng tôi.

ĐHCĐ: Triển vọng năm 2026 và kế hoạch trung hạn

BLĐ đặt kế hoạch LNTT tăng trưởng 13% trong năm 2026, nhìn chung sát với dự báo của chúng tôi, mặc dù kế hoạch tăng trưởng tín dụng và huy động có vẻ tham vọng hơn. Các chủ đề mới được thảo luận tại ĐHCĐ bao gồm:

- **Tăng trưởng bằng cân đối:** BLĐ kỳ vọng tín dụng sẽ tăng trưởng mạnh mẽ trong Q2/2026 do hạn mức tín dụng theo quý chỉ áp dụng cho Q1. Điều này phù hợp với xu hướng trong quá khứ, MSB thường đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng ngay từ đầu năm và có thể sử dụng hết hạn mức cả năm vào Q2. Ngân hàng cũng chia sẻ đang có vị thế thanh khoản tốt ở thời điểm

hiện tại, cũng như kế hoạch tăng trưởng tiền gửi mạnh mẽ để phục vụ mở rộng cho vay và cải thiện các hệ số an toàn.

- **Thu nhập không thường xuyên:** BLĐ chia sẻ về triển vọng lợi nhuận không thường xuyên có thể đạt 1-2 nghìn tỷ đồng nhờ xử lý các tài sản tồn đọng. Trong đó, Ngân hàng hiện có hai tài sản tồn đọng đang được xử lý, cả hai đều được bảo đảm bằng các dự án BĐS lớn. Hiện tại Ngân hàng đang tiếp tục đàm phán về các khoản lãi trong giá bán. Phạm vi ước tính của khoản thu nhập này vẫn tương đối rộng và thời điểm ghi nhận chưa chắc chắn mặc dù có khả năng được ghi nhận trong năm nay.
- **Thoái vốn TNEX:** Ngân hàng không có kế hoạch thoái vốn TNEX trong trung hạn, thay vào đó đặt mục tiêu nâng giá trị công ty lên 1-2 tỷ USD trong vòng 5-7 năm. Chúng tôi hiểu nguyên nhân của việc đẩy lùi thương vụ này là để tiếp tục tăng trưởng công ty con sau nguồn vốn mới được bổ sung từ Ngân hàng mẹ (với việc nâng vốn điều lệ thêm 1 nghìn tỷ đồng vào cuối năm 2025) và sáng kiến gần đây hướng tới tệp khách hàng DNNVV.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào nhưng đang xem xét lại giá mục tiêu và dự báo

Sau khi giá cổ phiếu tăng 12% trong 1 tháng qua và vượt trội hơn so với bình quân nhóm NHTM tư nhân, MSB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2026 là 0,81 lần, thấp hơn 38% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,29 lần. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu là 15.400đ, tương đương tiềm năng tăng giá 22% và P/B dự phóng năm 2026 là 0,99 lần với hệ số ROE đạt 13,9%.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Thu nhập lãi	18,681	21,601	27,488	30,621	35,110
Chi phí lãi	(8,438)	(10,654)	(14,627)	(15,952)	(18,231)
Thu nhập lãi thuần	10,243	10,947	12,861	14,669	16,879
Lãi thuần HĐ dịch vụ	1,354	1,753	1,962	2,251	2,462
Lãi thuần HĐ KDNH	1,056	845	1,114	1,072	1,071
Lãi/lỗ từ mua bán CK	273	(76.7)	(53.2)	0	0
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0	0	0	0	0
Thu nhập khác	1,292	576	1,150	300	280
Tổng thu nhập HĐ	14,218	14,045	17,034	18,291	20,692
Chi phí HĐ	(5,230)	(5,068)	(6,526)	(7,235)	(7,953)
LN trước dự phòng	8,988	8,977	10,508	11,056	12,739
Chi phí dự phòng	(2,084)	(1,918)	(2,564)	(3,198)	(3,845)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	6,904	7,058	7,945	7,858	8,894
Chi phí thuế TNDN	(1,384)	(1,430)	(1,589)	(1,572)	(1,779)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	5,520	5,629	6,356	6,287	7,115
EPS (đồng)	1,769	1,804	2,037	2,015	2,280
DPS (đồng)	0	0	0	0	0
Slg CP bình quân (triệu đv)	3,120	3,120	3,120	3,120	3,120
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	3,120	3,120	3,120	3,120	3,120
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	3,120	3,120	3,120	3,120	3,120

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	1,203	1,459	1,651	1,886	2,154
Tiền gửi tại NHNN	5,495	9,820	11,115	9,378	10,706
Tiền gửi tại các TCTD khác	60,936	73,969	86,762	99,142	107,062
Chứng khoán kinh doanh	0	0	0	0	0
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	173,467	202,358	229,579	262,638	300,003
Tổng dư nợ cho vay	176,493	205,209	232,532	265,989	303,930
Dự phòng rủi ro	(3,026)	(2,851)	(2,953)	(3,351)	(3,927)
Chứng khoán đầu tư	65,570	97,293	88,339	100,665	114,643
CK đầu tư sẵn sàng để bán	65,605	97,308	88,354	100,680	114,658
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	0	0	0	0	0
Dự phòng rủi ro	(34.9)	(14.7)	(14.7)	(14.7)	(14.7)
Đầu tư dài hạn	12.0	1.24	1.40	1.61	1.84
Tài sản cố định	433	498	563	536	612
Tài sản khác	13,032	22,276	23,590	26,209	29,955
Tổng tài sản	320,148	407,674	441,600	500,456	565,137
Nợ phải trả	283,331	365,228	392,799	445,367	502,933
Tiền gửi của NHNN	9,204	23,067	11,725	13,398	6,118
Tiền gửi của các TCTD khác	92,189	108,610	124,915	139,263	162,662
Tổng tiền gửi KH	154,612	196,672	214,746	245,386	280,132
Trái phiếu và CCTG	21,211	29,634	32,089	36,667	41,859
Nợ khác	5,384	6,812	8,207	9,378	10,706
Vốn chủ sở hữu	36,817	42,446	48,802	55,089	62,204
Vốn điều lệ	26,000	31,200	31,200	31,200	31,200
Thặng dư vốn cổ phần	33.0	33.5	33.5	33.5	33.5
Lợi nhuận giữ lại	7,495	6,818	12,346	17,680	23,851
Quỹ & vốn khác của CSH	3,289	4,394	5,222	6,176	7,119
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	320,148	407,674	441,600	500,456	565,137
BVPS (đồng)	11,800	13,605	15,642	17,657	19,937

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	19.9	27.3	8.32	13.3	12.9
Tăng trưởng cho vay KH (%)	18.3	16.3	13.3	14.4	14.3
Tăng trưởng huy động KH (%)	16.8	27.2	9.19	14.3	14.2
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	24.4	28.7	9.07	14.3	14.2
Tăng trưởng VCSH (%)	17.6	15.3	15.0	12.9	12.9
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	11.5	6.88	17.5	14.1	15.1
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	8.68	(3.11)	28.8	10.9	9.93
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	20.7	(0.12)	17.1	5.22	15.2
Tăng trưởng LNTT (%)	18.4	2.24	12.6	(1.09)	13.2
Tăng trưởng LN thuần (%)	18.9	1.97	12.9	(1.09)	13.2

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	4.84	3.86	4.01	3.88	3.88
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.78)	(1.39)	(1.54)	(1.54)	(1.49)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	95.6	95.5	94.8	94.9	94.9
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.13	2.10	2.55	2.74	3.10
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	nm	nm	nm	nm	nm

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	7.12	6.98	6.19	6.25	5.53
P/B (lần)	1.07	0.93	0.81	0.71	0.63
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0	0	0

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	38.8	40.1	37.3	34.4	34.4
ROAA (%)	1.88	1.55	1.50	1.33	1.34
ROAE (%)	16.2	14.2	13.9	12.1	12.1
Chi phí huy động BQ (%)	3.34	3.35	3.95	3.90	3.94
Lợi suất góp BQ (%)	6.66	6.22	6.83	6.85	6.94
Lợi suất thuần (%)	3.32	2.86	2.88	2.95	3.00
Tỷ lệ NIM (%)	3.65	3.15	3.20	3.28	3.34
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	9.52	12.5	11.5	12.3	11.9
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	72.0	77.9	75.5	80.2	81.6
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	18.4	9.57	13.0	7.50	6.53
Tỷ lệ CIR (%)	36.8	36.1	38.3	39.6	38.4
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0	0	0

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	12.4	12.7	12.3	13.3	13.3
VCSH/Tổng TS (%)	11.5	10.4	11.1	11.0	11.0
Đòn bẩy vốn (lần)	8.70	9.60	9.05	9.08	9.09

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2.67	2.69	2.80	2.75	2.60
Hệ số LLR (%)	64.1	51.6	45.4	45.8	49.7

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	114	104	108	108	108
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	34.4	32.4	33.6	33.1	33.6
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	55.1	50.3	52.7	53.1	53.8

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	0	0	0	0	0
Số lượng nhân viên	6,678	6,678	6,678	6,678	6,678

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn